

Số: 29 /2018/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng chính sách xã hội ban hành theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 106/TTr-STC ngày 19 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân tỉnh như sau:

Khoản 2 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ nhằm bù đắp chi phí hoạt động của NHCSXH (trong đó bao gồm chi trả phí ủy thác cho các Hội đoàn thể cấp Trung ương, tỉnh, huyện, xã và chi trả hoa hồng cho các tổ tiết kiệm và vay vốn). Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác”.

Điều 2.

Bãi bỏ Khoản 1 Điều 15. Quy định chuyển tiếp ban hành kèm theo Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 14/12/2017.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05. tháng 09 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Văn Thắng